

Bản án số: 354 / 2018 / HNGĐ - ST
Ngày: 17 / 10 / 2018
“*V/v tranh chấp Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;
2. Ông Nguyễn Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lưu – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử công khai vụ án thụ lý số: 285/2018/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 về việc “ *Tranh chấp Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 499/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Văn B**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 38, tổ 02, ấp Quốc Khánh, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà **Dương Thị N (Ỉ)**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 30, ấp Phước Hòa, xã Phước Hưng, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng ông B trình bày: Hôn nhân giữa ông và bà N do cả hai tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang vào ngày 09/6/1999. Sau đám cưới vợ chồng về sống bên nhà vợ ở ấp Phước Hòa, xã Phước Hưng. Cuộc sống chung không hạnh phúc, thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên

cãi nhau, cuộc sống không hợp, ông đi làm kiếm tiền nuôi gia đình nhưng bà N và mẹ vợ xua đuổi không cho về sống chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Nay yêu cầu xin ly hôn với bà N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Văn K, sinh ngày 24/5/2001, Lê Thị Kim Ng, sinh ngày 11/6/2007. Hiện cháu K đang sống với ông, cháu Ng sống với bà N. Khi ly hôn, con chung đã lớn tùy ý con muốn sống với ai cũng được. Không yêu cầu cấp dưỡng và cũng không đồng ý cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bà N trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Đúng như lời trình của ông B về thời gian chung sống, điều kiện và việc đăng ký kết hôn nhưng nguyên nhân ông B đòi ly hôn là do có người phụ nữ khác bên ngoài. Bản thân bà cảm thấy không có lỗi trong đời sống vợ chồng với ông B. Còn việc đuổi ông B ra khỏi nhà thì không phải là bà mà mẹ bà vì giận ông B nên có mấy lời nặng nề, đòi đuổi ông B đi. Nay bà không đồng ý ly hôn do còn thương chồng, con.

- Về con chung: Đúng như lời trình bày của ông B.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

Các cháu Lê Văn K, Lê Thị Kim Ng trình bày nguyện vọng muốn sống chung với mẹ trong trường hợp cha, mẹ ly hôn. Thời gian cha mẹ chung sống ít xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân cha các cháu xin ly hôn là do có người phụ nữ khác bên ngoài.

Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông B tại địa phương nơi ông bà chung sống, kết quả xác minh cho thấy trong đời sống hàng ngày ông B và bà N không xảy ra mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, ông B trình bày: Sau khi kết hôn ông, bà về chung sống tại nhà mẹ bà N khoảng 10 năm nay, ông là lao động chính trong gia đình do bà N bị bệnh. Lý do ly hôn theo ông là đời sống vợ chồng không mặn nồng, cả hai người thường cãi nhau về chuyện tiền bạc, mẹ bà N và em bà N từng có lời lẽ xua đuổi ông ra khỏi nhà trước sau là 02 lần. Nay ông yêu cầu bà N về nhà ông ở Quốc Thái sống chung thì ông không ly hôn. Bà N không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã tuân theo pháp luật, không có vi phạm; tại phiên tòa Hội đồng xét xử (ghi tắt là HĐXX) không thuộc trường hợp phải thay đổi, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa bà N, ông B có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng nên ông B có đơn xin ly hôn và căn cứ vào các chứng cứ do Tòa án thu thập được về tình trạng hôn nhân của ông

bà thì mâu thuẫn không có, do vậy đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu của ông B. Về con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng và phân chia tài sản chung, nợ chung do yêu cầu của ông B không được chấp nhận nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông B có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Phú giải quyết về việc hôn nhân, nuôi con chung với bà N, các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Hôn nhân của bà N và ông B có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống theo ông B trình bày thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi nhau, bà N và mẹ bà N xua đuổi không cho ông về sống chung nhà. Tuy nhiên, kết quả xác minh nguyên nhân, tình trạng mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân của vợ chồng ông B và lời khai tại phiên tòa thể hiện trong thời gian chung sống ông bà không có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân ông B xin ly hôn được cháu K là con chung cho biết do ông B có người phụ nữ khác bên ngoài và được chính ông B thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 18/9/2018, lý do theo ông là bị vợ hắt hủi nên phải tìm người khác để chia sẻ.

Xét thấy lý do xin ly hôn mà ông B nêu không thuộc trường hợp phải cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể : “ 1. *Khi vợ hoặc chồng ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.*”, từ đó có căn cứ cho thấy mâu thuẫn trong đời sống chung giữa hai người không trầm trọng nên không chấp nhận yêu cầu của ông B.

[2.2] Về nuôi dưỡng con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng và chia tài sản chung, nợ chung: Do yêu cầu của ông B không được chấp nhận nên không xem xét giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung. Đối với việc phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân do các đương sự không yêu cầu nên không xét, trường hợp ông B, bà N có yêu

cầu chia tài sản chung và giải quyết nợ chung thì có quyền khởi kiện thành một vụ án khác.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B.

Án phí: Ông B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009245 ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THA H. AP;
- UBND xã Quốc Thái;
- Các đương sự;.
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo

